

Số: /TTYT-DTTB

Yên Thế, ngày 25 tháng 6 năm 2024

V/v Mua vật tư, hóa chất xét
nghiệm của máy sinh hóa

THƯ MỜI THAM GIA BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Y tế huyện Yên Thế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho Gói thầu: Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm của máy sinh hóa phục vụ chuyên môn của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Y tế huyện Yên Thế, số 20 phố Cả Trống, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

+ Đ/c Trần Ngọc Đại – Trưởng Khoa Dược – VT, TBYYT

+ Điện thoại: 0915.320.262

+ Email: khoaduocbvyyt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá: 02 bản dấu đỏ và 01 bản gửi qua thư điện tử.

- *Nhận trực tiếp tại địa chỉ:* Trung tâm Y tế huyện Yên Thế, số 20 phố Cả Trống, thị trấn Phồn Xương, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- *Nhận qua email:* Hộp thư điện tử Khoa Dược – VT, TBYYT của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế: khoaduocbvyyt@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 14h ngày 25 tháng 06 năm 2024 đến trước 17h ngày 05 tháng 7 năm 2024.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 05 tháng 07 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục mua sắm

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy Thành phần thuốc thử: Natri hydroxyd 4%, Triton X-100 10%.	ml	3000
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp: Cholesterol oxidase/peroxidase;Dải đo:4.2 - 1000 mg/dL (0.109 - 26 mmol/L).THÀNH PHẦN A. Thuốc thử. Đệm Pipes 35 mmol/L, natri cholat 0,5 mmol/L, phenol 28 mmol/L, cholesterol esterase > 0,2 U/mL, cholesterol oxidase > 0,1 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,5 mmol/L, pH 7,0.	ml	1800
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol	"Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng HDL cholesterol trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang. Thuốc thử A chứa: đệm MES, polyme, 4-aminoantipyrin, chất tẩy rửa, pH 6,5. Thuốc thử B chứa: đệm MES, cholesterol esterase, peroxidase, cholesterol oxidase, N-ethyl-N-(2-hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS), chất tẩy rửa, pH 5,5."	ml	640
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol	"Thuốc thử dùng cho xét nghiệm định lượng LDL cholesterol trong mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Phương pháp đo quang. Thuốc thử A: đệm MES, cholesterol esterase, cholesterol oxidase, 4-aminoantipyrin, peroxidase, chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6. Thuốc thử B: đệm MES, N-ethyl-N-(2hydroxy-3-sulfopropyl)-3-methylanilin (TOOS), chất tẩy rửa, chất bảo quản, pH 6,6"	ml	640
5	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm CK-MB	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng CK-MB.Dạng bột đông khô, thành phần: huyết thanh người.THÀNH PHẦN CK-MB Control Serum – 1 lọ x 1 mL, dạng bột đông khô: huyết thanh người với nồng độ CK-MB và CK thích hợp	ml	2
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Creatinine mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người..Phương pháp: JAFFÉ COMPENSATED;Dải đo:0.04-20 mg/dL.THÀNH PHẦN A. Thuốc thử: Natri hydroxid 0,4 mol/L, chất tẩy rửa.B. Thuốc thử: Acid picric 25 mmol/L.	ml	1800
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Glucose mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc dịch não tủy người..Phương pháp: Glucose oxidase/peroxidase;Dải đo:3.6 - 500 mg/dL (0.199 -27.5 mmol/L).THÀNH PHẦN A. Thuốc thử chứa: Phosphat 100 mmol/L, phenol 5 mmol/L, glucose oxidase > 10 U/mL, peroxidase > 1 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,4 mmol/L, pH 7,5.	ml	7200
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Triglycerides mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người..Phương pháp: Glycerol phosphate oxidase/peroxidase;Dải đo:0.067 - 6.78 mmol/L.THÀNH PHẦN A. Thuốc thử chứa: đệm Pipes 45 mmol/L, magnesi acetat 5 mmol/L, 4-clorophenol 6 mmol/L, lipase > 100 U/mL, glycerol kinase > 1,5 U/mL, glycerol-3-phosphat oxidase > 4 U/mL, peroxidase > 0,8 U/mL, 4-aminoantipyrin 0,75 mmol/L, ATP 0,9 mmol/L, pH 7,0.	ml	3600
9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Ethanol	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Ethanol mẫu huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.. Dải đo: 8.11 mg/dL - 300 mg/dL, phương pháp đo: ALCOHOL DEHYDROGENASE.Thuốc thử A (2 x 20 mL): Đệm PIPES 100 mmol/L, chất bảo quản, pH 7,9.Thuốc thử B (2 x 7 mL): Đệm PIPES 50 mmol/L, NAD 15 mmol/L, alcohol dehydrogenase (ADH) > 18 KU/L, chất bảo quản, pH 6,2.	ml	108

10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1C-Direct	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1C-Direct mẫu máu người. Dải đo: 6 - 140 mmol/mol, phương pháp đo: DIRECT.THÀNH PHẦN. Thuốc thử. 1 x 50 mL. Hỗn dịch hạt latex, natri azid 0,95 g/L, pH 8,0.B. Thuốc thử. 1 x 10 mL. Kháng thể kháng HbA1C người, chất ổn định, pH 6,0.	ml	240
11	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm HbA1C Direct	Chất chuẩn dùng cho xét nghiệm định lượng HbA1C Direct mẫu máu người.Dạng bột đông khô, thành phần: máu người.THÀNH PHẦNHbA1C Direct Standards (4 lọ bột đông khô) chứa: máu người. Nồng độ HbA1C được ghi trên nhãn. Thể tích sau hoàn nguyên: 0,5 mL/lọ.	ml	2
12	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bình thường	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bình thường.Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người.THÀNH PHẦNHemoglobin A1C Control. máu ly giải hồng cầu (người, dạng đông khô)	ml	0.5
13	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Hemoglobin A1c mức bệnh lý	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm định lượng Hemoglobin A1c mức bệnh lý.Dạng bột đông khô, thành phần: máu ly giải hồng cầu từ người.THÀNH PHẦNHemoglobin A1C Control. máu ly giải hồng cầu (người, dạng đông khô)	ml	0.5
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm C-Reactive Protein (CRP)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người.. Dải đo: 1 - 150 mg/L, phương pháp đo: LATEX.THÀNH PHẦNThuốc thử A: Đệm Glycin 0,1 mol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,6.Thuốc thử B: Hỗn dịch chứa các hạt Latex được phủ kháng thể kháng CRP người, natri azid 0,95 g/L	ml	500
15	Chất chuẩn cho xét nghiệm CRP/CRP-hs	Chất chuẩn cho xét nghiệm định lượng CRP/CRP-hs.Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.THÀNH PHẦNCRP/CRP-hs Standard: Huyết thanh người	ml	2
16	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 1.Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.THÀNH PHẦNRheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL).	ml	6
17	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Rheumatoid mức 2.Dạng bột đông khô, chứa huyết thanh người.THÀNH PHẦNRheumatoid Control Serum chứa: huyết thanh người đông khô (thể tích sau hoàn nguyên: 1 mL).	ml	6
18	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin toàn phần mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM;Dải đo:0.211 - 38 mg/dL (3.61 - 650 μ mol/L).THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: Hydrochloric acid 170 mmol/L, cetrimid 40 mmol/L, pH 0,9.B. Thuốc thử chứa: 3,5-dichlorophenyl diazonium 1,5 mmol/L.	ml	300
19	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Bilirubin trực tiếp mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.Phương pháp: DICHLOROPHENYL DIAZONIUM;Dải đo:0.09 - 15 mg/dL.THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: Phosphoric acid 90 mmol/L; HEDTA 4,5 mmol/L; natri clorid 50 mmol/L; pH 1,5.B. Thuốc thử chứa: 3,5-dichlorophenyl diazonium 1,5 mmol/L.	ml	300
20	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea-BUN UV	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Urea-BUN UV mẫu huyết thanh, huyết tương hoặc nước tiểu người.Phương pháp: Urease / Glutamate dehydrogenase;Dải đo:3.69 - 300 mg/dL.THÀNH PHẦN. Thuốc thử chứa: đệm Tris 100 mmol/L; 2-oxoglutarat 5,6 mmol/L; urease > 140 U/mL; glutamat dehydrogenase > 140 U/mL; ethylenglycol 220 g/L; natri azid 9,5 g/L; pH 8,0.B. Thuốc thử chứa: NADH 1,5 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.	ml	300

21	Bộ phận phản ứng	Vật liệu: Nhựa methacrylate	Chiếc	80
22	Giếng đựng mẫu	Vật liệu: Nhựa methacrylate	Chiếc	2000

Tính năng, thông số kỹ thuật của hàng hoá đề nghị mua sắm mà đơn vị đưa ra là tối thiểu. Các nhà thầu có thể chào hàng hoá có Tính năng, thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn để phục vụ tốt công tác chuyên môn khám chữa bệnh tại đơn vị.

2. Địa điểm cung cấp: Các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, bảo quản thiết bị y tế: Cung cấp hàng hóa, hướng dẫn sử dụng và bảo quản tại Trung tâm y tế huyện Yên Thế tỉnh Bắc Giang.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 365 ngày, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Trung tâm sẽ thanh toán nhiều lần theo giá trị từng lần giao hàng sau khi hàng hóa được vận chuyển, nghiệm thu, bàn giao tại Trung tâm Y tế huyện Yên Thế; Hoá đơn giá trị gia tăng (VAT), bên bán cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán theo quy định của Nhà nước.

5. Các thông tin khác

- Báo giá có đầy đủ nội dung, mẫu biểu theo mẫu đính kèm trong yêu cầu báo giá.

- Nếu là báo giá trực tiếp của hãng sản xuất hàng hóa, nhà phân phối, cung cấp độc quyền tại Việt Nam đề nghị gửi kèm tài liệu chứng minh và phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật về tài liệu đã cung cấp.

- Bản báo giá/ biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của NCC ký tên và đóng dấu, đồng thời gửi kèm theo Đăng ký kinh doanh của đơn vị báo giá. Trường hợp ký thay thì người ký phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của NCC, kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

Đề nghị các đơn vị quan tâm gửi báo giá trong thời gian tối đa 10 ngày kể từ ngày thông báo chào giá được đăng tải công khai trên Cổng thông tin của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Doanh Phương

Mẫu báo giá

Áp dụng đối với gói thầu mua sắm trang thiết bị y tế; gói thầu mua sắm linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế

BÁO GIÁ

Kính gửi: TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN YÊN THẾ

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Y tế huyện Yên Thế, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho Mua vật tư, hóa chất xét nghiệm của máy sinh hóa như sau:

1. Báo giá cho các loại hóa chất, vật tư và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng, nước sản xuất ⁽³⁾	Mã HS ⁽⁴⁾	Năm sản xuất ⁽⁵⁾	Xuất xứ ⁽⁶⁾	Số lượng/ khối lượng ⁽⁷⁾	Đơn giá ⁽⁸⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽⁹⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹¹⁾ (VND)
1	Hàng hóa 1									
2	Hàng hóa 2									
3									

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp ⁽¹²⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- (1) Nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này.
- (2) Nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
- (3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
- (4) Nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
- (5), (6) Nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
- (7) Nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (8) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
- (9) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chỉ tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
- (10) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
- (11) Nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- (12) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.